



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

TpHôChí Minh, Tháng 04– 2016

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2016	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến cuối Quý 1 năm 2016	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	05 - 29



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2016	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.667.539.428.072	2.810.625.320.769
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	193.155.641.978	425.567.717.430
111	1. Tiền		191.660.475.311	418.667.717.430
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.495.166.667	6.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	10.000.000.000	10.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		547.480.848.537	481.284.642.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	465.520.496.408	431.125.695.754
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	46.766.155.738	35.947.330.676
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.a	40.801.456.316	19.818.875.929
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.607.259.925)	(5.607.259.925)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.829.757.897.377	1.760.076.255.954
141	1. Hàng tồn kho		1.829.757.897.377	1.760.076.255.954
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		87.145.040.180	133.696.704.951
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		218.098.657	143.138.196
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		85.764.780.459	133.234.056.760
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.162.161.064	319.509.995
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		779.974.861.477	758.916.598.635
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.032.315.546	5.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	4.032.315.546	5.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		658.871.231.177	652.335.335.604
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	348.472.300.487	351.772.981.566
222	- Nguyên giá		530.756.908.242	521.218.591.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182.284.607.755)	(169.445.610.431)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	64.983.689.445	66.904.116.714
225	- Nguyên giá		76.381.530.221	76.381.530.221
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.397.840.776)	(9.477.413.507)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	245.415.241.245	233.658.237.324
228	- Nguyên giá		252.004.819.493	239.979.533.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.589.578.248)	(6.321.295.829)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		103.377.781.158	86.415.660.093
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	103.377.781.158	86.415.660.093
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	8.096.805.300	8.096.805.300
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.565.113.571)	(3.565.113.571)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.596.728.296	7.036.482.092
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.898.836.584	5.268.261.344
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		521.553.866	591.882.902
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.11	1.176.337.846	1.176.337.846
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.447.514.289.549	3.569.541.919.404

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2016	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.325.926.684.072	2.462.138.197.120
310	I. Nợ ngắn hạn		2.187.501.431.661	2.347.808.033.982
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	488.772.724.911	286.517.039.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	11.880.725.635	46.378.944.336
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	118.124.251.758	134.343.915.962
314	4. Phải trả người lao động	V.15	11.175.500.867	23.947.066.028
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	16.213.077.397	61.506.965.712
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	115.505.715.552	87.649.748.453
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	1.413.292.940.161	1.698.058.771.492
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	12.536.495.380	9.405.582.882
330	II. Nợ dài hạn		138.425.252.411	114.330.163.138
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	138.425.252.411	114.330.163.138
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.121.587.605.477	1.107.403.722.284
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	1.121.587.605.477	1.107.403.722.284
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		476.400.000.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		476.400.000.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.211.680.048	7.211.680.048
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.299.934.740	119.095.387.120
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.723.076.657	27.342.989.573
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		289.340.056.641	279.179.962.957
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		255.238.109.005	51.215.446.517
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		34.101.947.636	227.964.516.440
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.21	198.612.857.391	198.173.702.587
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.447.514.289.549	3.569.541.919.404

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ LA, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2016

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	1.014.479.674.211	1.084.104.789.864	1.014.479.674.211	1.084.104.789.864
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	22.022.764.738	7.687.570.906	22.022.764.738	7.687.570.906
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	992.456.909.473	1.076.417.218.958	992.456.909.473	1.076.417.218.958
11	4. Giá vốn hàng bán		866.683.254.723	952.586.810.934	866.683.254.723	952.586.810.934
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.4	125.773.654.750	123.830.408.024	125.773.654.750	123.830.408.024
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.5	955.132.887	462.729.856	955.132.887	462.729.856
22	7. Chi phí tài chính		19.930.577.715	18.007.307.387	19.930.577.715	18.007.307.387
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.150.030.160	16.717.967.457	18.150.030.160	16.717.967.457
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	VI.6	38.664.276.079	47.675.357.601	38.664.276.079	47.675.357.601
25	9. Chi phí bán hàng	VI.7	19.053.133.746	15.145.283.515	19.053.133.746	15.145.283.515
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		49.080.800.097	43.465.189.377	49.080.800.097	43.465.189.377
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VI.8	1.934.190.310	1.277.544.744	1.934.190.310	1.277.544.744
31	12. Thu nhập khác	VI.9	179.378.466	78.551.466	179.378.466	78.551.466
32	13. Chi phí khác		1.754.811.844	1.198.993.278	1.754.811.844	1.198.993.278
40	14. Lợi nhuận khác		50.835.611.941	44.664.182.655	50.835.611.941	44.664.182.655
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.304.240.028	9.729.033.808	7.304.240.028	9.729.033.808
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.10	43.531.371.913	34.935.148.847	43.531.371.913	34.935.148.847
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		34.101.947.636	29.271.428.542	34.101.947.636	29.271.428.542
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		9.429.424.277	5.663.720.305	9.429.424.277	5.663.720.305
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		644	553	644	553

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2016

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2016	31/03/2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		50.835.611.941	44.664.182.655
	2. Điều chỉnh các khoản		33.081.419.564	24.453.597.494
02	- Khấu hao tài sản cố định		15.027.707.012	8.146.655.658
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(96.317.608)	(411.025.621)
06	- Chi phí lãi vay		18.150.030.160	16.717.967.457
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		83.917.031.505	69.117.780.149
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.499.251.835)	(312.151.724.061)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(69.681.641.423)	4.615.559.373
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		127.997.475.868	147.352.410.329
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.294.464.299	(1.419.844.925)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.150.030.160)	(16.717.967.457)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.191.632.062)	(28.803.019.372)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.384.576.222)	(20.840.082.704)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		68.301.839.970	(158.846.888.668)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(38.525.723.650)	(17.353.035.264)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(43.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		96.317.608	545.579.672
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.429.406.042)	(60.607.455.592)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		701.418.981.844	727.242.343.568
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(962.089.723.902)	(752.453.751.305)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(1.613.767.322)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(262.284.509.380)	(25.211.407.737)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(232.412.075.452)	(244.665.751.997)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		425.567.717.430	411.281.268.344
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	193.155.641.978	166.615.516.347

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 5 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Số công ty con được hợp nhất là 5 công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

8. Nhân viên

Tại ngày 31/03/2016 Tập đoàn có 1.148 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.
- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Số năm

Loại tài sản vô hình

Phần mềm

07 – 10

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ trong 10 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.260.166.306	4.623.183.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	187.400.309.005	414.044.534.202
Các khoản tương đương tiền(*)	1.495.166.667	6.900.000.000
Cộng	<u>193.155.641.978</u>	<u>425.567.717.430</u>

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Cộng	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	Số kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(3.565.113.571)	(3.353.169.995)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(211.943.576)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.565.113.571)	(3.565.113.571)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	465.520.496.408	431.125.695.754
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	49.251.696.925	71.131.496.858
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lý	12.386.092.465	23.236.092.465
Công ty TNHH TMDV Phan bốn Tuần Vũ	13.789.276.200	11.395.377.700
Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê	10.879.468.032	15.899.371.032
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	18.648.605.000	19.124.117.000
Các khách hàng khác	360.565.357.786	290.339.240.699
Cộng	465.520.496.408	431.125.695.754

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	46.766.155.738	35.947.330.676
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	-	15.203.893.494
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.410.690.000	7.050.720.000
Công ty cổ phần Hữu Cơ	19.909.962.000	-
Các đối tượng khác	23.445.503.738	13.692.717.182
Cộng	46.766.155.738	35.947.330.676

5. Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn khác**5.a Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	37.063.953.771	-	16.081.373.384	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	12.055.282.777	-	9.147.311.652	-
- Các khoản phải thu khác	25.008.670.994	-	6.934.061.732	-
Cộng	40.801.456.316	-	19.818.875.929	-

5.b Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	5.032.315.546	-	5.032.315.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	1.258.861.000	-
- Các khoản ký quỹ khác	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	4.032.315.546	-	5.032.315.546	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.408.256.391.567	-	1.419.233.444.843	-
Công cụ, dụng cụ	5.848.929.699	-	5.230.796.508	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.985.979.557	-	20.934.090.284	-
Thành phẩm	377.394.950.359	-	311.356.662.915	-
Hàng hóa	4.271.646.195	-	3.321.261.404	-
Cộng	1.829.757.897.377	-	1.760.076.255.954	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	75.365.104.766	1.016.425.455	76.381.530.221
Thuê tài chính trong năm			
Số cuối năm	75.365.104.766	1.016.425.455	76.381.530.221
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.307.545.140	169.868.367	9.477.413.507
Khấu hao trong năm	1.902.039.736	18.387.533	1.920.427.269
Số cuối năm	11.209.584.876	188.255.900	11.397.840.776
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	66.057.559.626	846.557.088	66.904.116.714
Số cuối năm	64.155.519.890	828.169.555	64.983.689.445

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	239.265.756.153	713.777.000	239.979.533.153
Mua trong năm	12.025.286.340		12.025.286.340
Số cuối năm	251.291.042.493	713.777.000	252.004.819.493
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	115.000.000	115.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.924.959.142	396.336.687	6.321.295.829
Khấu hao trong năm	268.282.419		268.282.419
Số cuối năm	6.193.241.561	396.336.687	6.589.578.248
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	233.340.797.011	317.440.313	233.658.237.324
Số cuối năm	245.097.800.932	317.440.313	245.415.241.245
<i>Trong đó:</i>			
<i>Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp</i>	14.765.109.725	-	14.765.109.725

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	4.619.138.911			4.619.138.911
Xây dựng cơ bản dở dang	81.796.521.182	28.420.039.086	11.457.918.021	98.758.642.247
Công trình nhà xưởng tại Ninh Bình	-	4.853.681.740		4.853.681.740
Nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại Tây Ninh	44.367.659.675	8.462.958.699	10.932.078.491	41.898.539.883
Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An.	6.538.918.427	14.591.107.387		21.130.025.814
Các công trình khác	30.889.943.080	512.291.260	525.839.530	30.876.394.810
Cộng	86.415.660.093	28.420.039.086	11.457.918.021	103.377.781.158

11. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	488.772.724.911	286.517.039.117
- Công ty CP Vinacam	16.631.066.609	47.189.448.200
- Công ty Newquest	59.201.800.000	16.945.206.569
- Công ty CP DAP – VINACHEM	138.888.500	21.706.103.140
- Công ty Cổ Phần Nông sản Long Hải	54.636.370.395	83.933.425.719
- Young Inh Trade Corporation	31.918.989.960	
- Các nhà cung cấp khác	326.245.609.447	116.742.855.489
Cộng	488.772.724.911	286.517.039.117

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	11.880.725.635	46.378.944.336
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	-	4.279.764.400
- Công ty TNHH Phương Yến	142.637.717	1.624.579.325
- Nguyễn Văn Hào	635.818.386	2.969.963.143
- Đặng Văn Lân	-	2.406.050.945
- Các khách hàng khác	11.102.269.532	35.098.586.523
Cộng	11.880.725.635	46.378.944.336

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	481.042.303	543.830.855
Thuế GTGT xuất, nhập khẩu	0	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.825.681.757	17.508.376.598
Thuế thu nhập cá nhân	1.049.268.468	1.604.087.854
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	114.687.620.655
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	80.638.575	-
Cộng	<u>118.124.251.758</u>	<u>134.343.915.962</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%, Công ty CP Bình Điền Ninh Bình được miễn thuế 2 năm (Từ tháng 11_2015 đến tháng 10_2017).

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.835.611.941	41.664.182.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.304.240.028	9.729.033.808
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>43.531.371.913</u>	<u>34.935.148.847</u>

15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí phải trả	16.213.077.397	61.506.965.712
Cộng	<u>16.213.077.397</u>	<u>61.506.965.712</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các khoản phải trả ngắn hạn	115.505.715.552	87.649.748.453
Cộng	<u>115.505.715.552</u>	<u>87.649.748.453</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.409.830.581.197	1.409.830.581.197	1.688.930.833.406	1.688.930.833.406
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	51.924.530.802	51.924.530.802	48.411.658.767	48.411.658.767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	284.616.534.511	284.616.534.511	244.995.997.487	244.995.997.487
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM ⁽³⁾	2.746.586.900	2.746.586.900	2.746.586.900	2.746.586.900
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽⁴⁾	24.474.291.502	24.474.291.502	56.129.709.552	56.129.709.552
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁵⁾	52.387.523.715	52.387.523.715	72.480.599.715	72.480.599.715
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	-	-	19.406.250.000	19.406.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁷⁾	93.691.783.980	93.691.783.980	78.337.020.382	78.337.020.382
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁸⁾	96.017.712.655	96.017.712.655	113.344.678.210	113.344.678.210
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾	335.973.907.560	335.973.907.560	448.501.750.400	448.501.750.400
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁹⁾	65.090.976.423	65.090.976.423	62.690.741.595	62.690.741.595
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹⁰⁾	29.774.755.830	29.774.755.830	64.529.460.034	64.529.460.034
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹¹⁾	22.687.329.565	22.687.329.565	44.595.574.400	44.595.574.400
- Ngân hàng TMCP PT Nhà Đồng Bông Sông Cửu Long-CN Sài Gòn	-	-	-	-
- Vay nhân viên công ty ⁽¹²⁾	31.932.154.570	31.932.154.570	32.367.941.372	32.367.941.372
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹³⁾	76.323.994.339	76.323.994.339	59.411.568.446	59.411.568.446
- Ngân hàng Nông Nghiệp& Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽¹⁴⁾	72.507.568.275	72.507.568.275	67.299.753.242	67.299.753.242
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽¹⁵⁾			36.336.777.354	36.336.777.354
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng ⁽¹⁶⁾	37.144.295.950	37.144.295.950	81.075.312.850	81.075.312.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt ⁽¹⁷⁾	18.192.921.966	18.192.921.966	55.509.222.900	55.509.222.900
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁸⁾	114.343.712.654	114.343.712.654	100.760.229.800	100.760.229.800

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.462.358.964	3.462.358.964	9.127.938.086	9.127.938.086
Cộng	1.413.292.940.161	1.413.292.940.161	1.698.058.771.492	1.698.058.771.492

18.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	106.441.063.100	106.441.063.100	82.345.973.827	82.345.973.827
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	26.862.796.936	26.862.796.936	21.776.989.863	21.776.989.863
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽²⁾	79.578.266.164	79.578.266.164	60.568.983.964	60.568.983.964
Nợ thuê tài chính	31.984.189.311	31.984.189.311	31.984.189.311	31.984.189.311
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN ⁽³⁾	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽⁴⁾	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế VN ⁽⁵⁾	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397
Cộng	138.425.252.411	138.425.252.411	114.330.163.138	114.330.163.138

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	138.425.252.411	114.330.163.138
Trên 5 năm	-	-
Cộng	138.425.252.411	114.330.163.138

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	9.405.582.882	18.560.705.720	(15.429.793.222)	12.536.495.380
Cộng	9.405.582.882	18.560.705.720	(15.429.793.222)	12.536.495.380

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	309.660.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	166.740.000.000	35,00	166.740.000.000
Cộng	100,00	476.400.000.000	100,00	476.400.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	476.400.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	476.400.000.000

Vốn điều lệ còn phải góp: -**20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Q1 2016</u>	<u>Q1 2015</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	476.400.000.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Q1_2016</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	198.173.702.587	163.199.646.452
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	9.429.424.277	51.269.033.504
Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	19.000.000.000
Tặng khác	-	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận, phân phối quỹ	(8.990.269.473)	(35.294.977.369)
Số cuối năm	<u>198.612.857.391</u>	<u>198.173.702.587</u>

22. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	929.835,37	1.930.851,08
Euro (EUR)	83,77	83,77

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, khác	1.014.479.674.211	1.084.104.789.864
Cộng	<u>1.014.479.674.211</u>	<u>1.084.104.789.864</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại.	22.022.764.738	7.687.570.906
Cộng	<u>22.022.764.738</u>	<u>7.687.570.906</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	866.683.254.723	952.586.810.934
Cộng	<u>866.683.254.723</u>	<u>952.586.810.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

5. Chi phí tài chính

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá	19.930.577.715	18.007.307.387
Cộng	<u>19.930.577.715</u>	<u>18.007.307.387</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài khác	38.664.276.079	47.675.357.601
Cộng	<u>38.664.276.079</u>	<u>47.675.357.601</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài khác	19.053.133.746	15.145.283.515
Cộng	<u>19.053.133.746</u>	<u>15.145.283.515</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Thu nhập từ bán phế liệu, thu nhập khác	1.934.190.310	1.277.544.744
Cộng	<u>1.934.190.310</u>	<u>1.277.544.744</u>

9. Chi phí khác

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Chi phí khác	179.378.466	78.551.466
Cộng	<u>179.378.466</u>	<u>78.551.466</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.101.947.636	29.271.428.542
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.410.194.764)	(2.927.142.854)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.691.752.872	26.344.285.688
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	47.640.000	47.640.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>644</u>	<u>553</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm ước tính bằng $10\% \times$ Lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh của năm 2015, và có thể điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ thuế tài chính	12.588.603.354	12.588.603.354
Cộng	<u>12.588.603.354</u>	<u>12.588.603.354</u>

2. Tiền thu từ đi vay

	<u>Q1 2016</u>	<u>Q1 2015</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	701.418.981.844	727.242.343.568
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>701.418.981.844</u>	<u>727.242.343.568</u>

3. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Q1 2016</u>	<u>Q1 2015</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	962.089.723.902	752.453.751.305
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>962.089.723.902</u>	<u>752.453.751.305</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng	2.009.855.000	986.000.000
Cộng	<u>2.009.855.000</u>	<u>986.000.000</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

- **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong năm Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác.

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

4. Báo cáo theo bộ phận- **Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Tập đoàn phát sinh trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh phân bón.

- **Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

<u>Q1_2016</u>	<u>Nội địa</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	939.876.076.223	52.580.833.250	992.456.909.473
Giá vốn hàng bán	821.022.161.632	45.661.093.091	866.683.254.723
<u>Lợi nhuận gộp</u>	<u>118.853.914.591</u>	<u>6.919.740.159</u>	<u>125.773.654.750</u>
<u>Q1_2015</u>	<u>Nội địa</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	997.414.433.073	79.002.785.885	1.076.417.218.958
Giá vốn hàng bán	882.672.459.384	69.914.351.550	952.586.810.934
<u>Lợi nhuận gộp</u>	<u>114.741.973.689</u>	<u>9.088.434.335</u>	<u>123.830.408.024</u>

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.18a, V.18b).

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Giải trình biến động lợi nhuận

Chỉ tiêu	Quý 1		
	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	43.531.371.913	34.935.148.847	24,6%
Tổng cộng	43.531.371.913	34.935.148.847	24,6%

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn Q1_2016 tăng 24,6% so cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân chủ yếu do đóng góp lợi nhuận từ Công ty con là Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình. Nhà máy phân bón Bình Điền Ninh Bình đã bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh từ tháng 11 năm 2015 vì vậy trong Q1_2016 Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình đã đóng góp vào hơn 10 tỷ đồng lợi nhuận của Tập đoàn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu


TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng


TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc

**LÊ QUỐC PHONG**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	353.513.591.494	126.580.730.285	35.932.818.260	4.883.913.958	307.538.000	521.218.591.997
- Tăng trong năm	186.190.000	5.633.290.000	3.577.241.245	76.625.000	64.970.000	9.538.316.245
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	353.699.781.494	132.214.020.285	39.510.059.505	4.960.538.958	372.508.000	530.756.908.242
<i>Trong đó:</i>						
TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.026.609.561	2.489.272.726	305.578.090	-	11.821.460.377
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	71.058.934.952	74.597.510.319	21.490.918.476	1.645.219.853	76.370.791	168.868.954.391
- Tăng trong năm	6.620.509.885	5.407.033.268	1.159.901.997	220.880.848	7.327.367	13.415.653.364
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	77.679.444.837	80.004.543.587	22.650.820.473	1.866.100.701	83.698.158	182.284.607.755
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	282.454.656.542	51.983.219.966	14.441.899.784	3.238.694.105	231.167.209	352.349.637.606
2. Tại ngày cuối năm	276.020.336.657	52.209.476.698	16.859.239.032	3.094.438.257	288.809.842	348.472.300.487

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN
C.12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	7.211.680.048	75.500.448.264	17.263.178.515	265.332.471.745	163.199.646.452	1.004.907.425.024
2. Tăng trong năm trước	-	-	43.594.938.856	10.079.811.058	228.964.516.440	70.269.033.504	352.908.299.858
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	228.964.516.440	51.269.033.504	280.233.549.944
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	43.594.938.856	10.079.811.058	-	-	53.674.749.914
- Tăng theo Thông tư 200	-	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
- Điều chỉnh theo Thông tư 200	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	476.400.000.000	7.211.680.048	119.095.387.120	27.342.989.573	279.179.962.957	198.173.702.586	1.107.403.722.284
5. Tăng trong kỳ này	-	-	3.204.547.620	380.087.084	34.101.947.636	9.429.424.277	47.116.006.617
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	34.101.947.636	9.429.424.277	43.531.371.913
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	3.204.547.620	380.087.084	-	-	3.584.634.704
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	23.941.853.952	8.990.269.472	32.932.123.424
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	23.941.853.952	8.990.269.472	32.932.123.424
7. Số dư cuối kỳ này	476.400.000.000	7.211.680.048	122.299.934.740	27.723.076.657	289.340.056.641	198.612.857.391	1.121.587.605.477

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

